

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo KT- KT, thiết kế BVTC và dự toán
Công trình: Trường THCS xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SON

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn về việc hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành cơ chế hỗ trợ xây dựng các công trình cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện;

Theo đề nghị của các ông: Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 211/TĐ-KTHT ngày 16/9/2020; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành tại Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 09/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế BVTC và dự toán công trình **Trường THCS xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn** với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình: Trường THCS xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn .**
- 2. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học.**
- 3. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.**
- 4. Chủ đầu tư: UBND xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn.**

5. Đơn vị khảo sát thiết kế, lập dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Tây Thành.

6. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng đảm bảo nhu cầu dạy và học của Trường THCS xã Triệu Thành, đảm bảo các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Triệu Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

8. Quy mô, các giải pháp thiết kế chủ yếu công trình.

8.1. Giải pháp kiến trúc:

Công trình có mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 9,0m x 43,5m, gồm 02 tầng; hành lang rộng 2,4m; cầu thang chính rộng 4,2m và cầu thang thoát hiểm rộng 3,0m; chiều cao các tầng nhà 3,6m, chiều cao từ cos nền nhà đến cos đỉnh mái là 9,4m. Các tầng được bố trí:

- Tầng 1 gồm: Gồm 4 phòng học diện tích 56m² và 01 phòng bộ môn diện tích 17,4m².

- Tầng 2 gồm: Gồm 4 phòng học diện tích 56m² và 01 phòng nghỉ giáo viên diện tích 17,4m².

- Tường xây gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM M50#, trát trong và ngoài VXM M75# d=15; Nền nhà lát gạch granit 600x600 ;

- Cửa đi, cửa sổ, vách kính cố định là cửa nhựa uPVC lõi thép gia cường, kính dán 2 lớp an toàn dày 6,38 ly; hoa sắt cửa sổ thép vuông đặc 14x14mm, sơn tĩnh điện.

- Mái xây tường thu hồi gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM 50#, xà gồ thép hộp 60x40x2; mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm chống nóng.

- Lan can tầng 1, tầng 2 bằng Inox tay vịn Inox D60; lan can cầu thang chính bằng sắt hộp, sơn tĩnh điện, tay vịn gỗ nhóm III; lan can cầu thang thoát hiểm xây gạch không nung 2 lỗ (6,5x10,5x22)cm VXM 50#, tay vịn Inox D60.

- Bậc cầu thang , bậc tam cấp xây bằng gạch không nung VXM M50#, mặt bậc ốp đá granit tự nhiên.

- Công trình được lãn sơn trực tiếp 1 nước lót 2 nước phủ.

8.2. Giải pháp kết cấu :

- Phần móng: Móng trụ BTCT M200# đá 1x2; móng dưới tường xây gạch không nung đặc vừa XM75#; trên móng có hệ giằng móng BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ, tiết diện giằng móng 220x350.

- Phần thân: Nhà kết cấu khung sàn chịu lực; Hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200# đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x600mm, 220x350mm; tiết diện cột điển hình 220x450; 220x400; 220x220mm. Sàn BTCT đá 1x2 dày 10cm; bản BTCT cầu thang bộ dày 10cm.

8.3. Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Cấp điện: Được lấy từ mạng điện hiện có kéo vào công trình bằng cáp CU/XLPE/DSTA/PVC 2x16mm². Nguồn điện từ tủ điện tổng đến tủ điện các tầng bằng cáp Cu/PVC 2x10mm²; dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x1,5mm², 2x2,5mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen nhựa cứng đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép ϕ 16 dài 1,0m, dây dẫn sét thép ϕ 10. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép ϕ 12.

8.4. Giải pháp thoát nước:

Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D100 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

8.5. Phòng cháy, chữa cháy trong nhà:

Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà gồm: 03 hộp đựng bình chữa cháy; mỗi hộp có 02 bình chữa cháy MFZ4 và 01 bình CO2MT3; bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy được đặt tại vị trí cầu thang và hành lang.

8.6. Phá dỡ, sân bê tông:

- Phá dỡ 2 dãy nhà cấp 4 đã xuống cấp để tạo mặt bằng thi công công trình. Phế thải được vận chuyển đến nơi tập kết.

- Sân bê tông diện tích 675,0m²: Lớp ni lông tái sinh chống mất nước, bê tông nền M200 đá 1x2 dày 15cm; cốt khe 1x4 chi ô 5,0mx5,0m chống nứt mặt sân.

9. Giá trị dự toán và nguồn vốn.**9.1. Giá trị dự toán : 5.354.028.000đ.**

(Năm tỷ, ba trăm năm mươi tư triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	4.434.989.000đ;
- Chi phí QLDA:	132.323.945đ;
- Chi phí TVĐTXD:	455.733.283đ;
- Chi phí khác:	76.028.504đ;
- Chi phí dự phòng:	254.953.737đ;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

9.2. Nguồn vốn đầu tư: Vốn hỗ trợ từ ngân sách huyện theo Quyết định số 6212/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND huyện Triệu Sơn, ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây Dựng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và PTNN; Chủ tịch UBND xã Triệu Thành; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG THCS XÃ TRIỆU THÀNH, HUYỆN TRIỆU SƠN

HẠNG MỤC: NHÀ LỚP HỌC 2 TẦNG 8 PHÒNG

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-UBND ngày /9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: VNĐ

TT	DIỄN GIẢI	KÝ HIỆU	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	4.031.808.182	403.180.818	4.434.989.000
1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Phần móng		536.569.091	53.656.909	590.226.000
2	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - Phần thân		3.355.432.727	335.543.273	3.690.976.000
3	Phá dỡ, sân bê tông		139.806.364	13.980.636	153.787.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	132.323.945		132.323.945
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv	414.302.984	41.430.298	455.733.283
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình		59.705.455	5.970.545	65.676.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		184.253.634	18.425.363	202.678.997
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán		20.481.586	2.048.159	22.529.744
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng		17.417.411	1.741.741	19.159.152
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng		132.444.899	13.244.490	145.689.389
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	70.841.442	5.187.062	76.028.504
1	Chi phí thẩm định Báo cáo KTKT		508.633		508.633
2	Bảo hiểm công trình		3.225.447	322.545	3.547.991
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu		4.031.808		4.031.808
4	Phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		14.430.381		14.430.381
5	Chi phí kiểm toán		48.645.173	4.864.517	53.509.690
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	232.463.828	22.489.909	254.953.737
1	Dự phòng do yếu tố phát sinh khối lượng		232.463.828	22.489.909	254.953.737
	TỔNG CỘNG		4.881.740.380	472.288.087	5.354.028.467
	LÀM TRÒN				5.354.028.000

(Năm tỷ, ba trăm năm mươi tư triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng)